**Đăng thông tin kết quả thực hiện nhiệm vụ: Quyền tự do liên kết và thiết chế đại diện trong quan hệ lao động ở Việt Nam trong điều kiện thực hiện Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Mã số: KX.01.08/16-20**

**I. Thông tin chung về đề tài:**

1.1. Tên đề tài: Quyền tự do liên kết và thiết chế đại diện trong quan hệ lao động ở Việt Nam trong điều kiện thực hiện Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP).

1.2. Mã số: KX01.08/16-20

1.3. Kinh phí thực hiện: 2.800 triệu đồng

- Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 2.800 triệu đồng.

- Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng.

1.4 Thời gian thực hiện: 24 tháng, từ tháng 11/2016 đến tháng 10/2018

1.5 Tổ chức chủ trì: Viện Công nhân và Công đoàn

1.6. Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Vũ Quang Thọ

1.7. Các thành viên chính tham gia thực hiện đề tài:

| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh khoa học, học vị** | **Tổ chức công tác** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. | Vũ Quang Thọ | PGS.TS | Viện Công nhân và Công đoàn (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam) |
| 2. | Vũ Minh Tiến | TS | Viện Công nhân và Công đoàn (Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam) |
| 3. | Bùi Sĩ Lợi | TS. | Ủy ban về Các vấn đề Xã hội của Quốc hội |
| 4. | Nguyễn Văn Bình | TS | Vụ Pháp chế (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội) |
| 5. | Nguyễn Mạnh Cường | ThS | Trung tâm Hỗ trợ phát triển Quan hệ lao động (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội) |
| 6. | Lê Huy Khôi | TS | Viện Nghiên cứu Thương mại (Bộ Công thương) |
| 7. | Nguyễn Chiến Thắng | TS | Viện Kinh tế Việt Nam (Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam) |
| 8. | Phạm Thị Thu Hằng | TS | Viện nghiên cứu Phát triển Doanh nghiệp (Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam) |
| 9. | Nguyễn Hữu Chí | PGS. TS | Trường Đại học Luật Hà Nội (Bộ Tư pháp) |
| 10. | Đỗ Quỳnh Chi | TS | Trung tâm Nghiên cứu Quan hệ lao động (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội). |

**II. Thời gian, địa điểm dự kiến tổ chức đánh giá, nghiệm thu:**

2.1Thời gian dự kiến: Quý I năm 2019.

2.2 Địa điểm: tại Bộ Khoa học và Công nghệ.

**III. Nội dung báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

3.1. Sản phẩm đã hoàn thành đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng của Hợp đồng nghiên cứu khoa học đã ký kết, gồm:

* 01 báo cáo tổng hợp;
* 01 báo cáo tóm tắt của báo cáo tổng hợp;
* 01 báo cáo kiến nghị chính sách;
* 01 sách chuyên khảo;
* 03 bài bài báo khoa học đăng tạp chí chuyên ngành;
* Tham gia đào tạo: 02 thạc sỹ, 01 tiến sỹ.

3.2. Sản phẩm khoa học đã và sẽ chuyển giao cho:

Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Thời gian  dự kiến  ứng dụng** | **Cơ quan dự kiến ứng dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Báo cáo Tổng luận, báo cáo kiến nghị chính sách (bao gồm cả báo cáo tóm tắt) | Năm 2019 | - Cơ quan, tổ chức của Đảng: Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Dân vận Trung ương, Hội đồng Lý luận Trung ương, Tỉnh ủy các tỉnh...  - Cơ quan, tổ chức của Nhà nước: Văn phòng Quốc hội và một số đại biểu quốc hội, Ủy ban các vấn đề Xã hội của Quốc hội, Hội đồng tiền lương quốc gia, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,...  - Cơ quan, tổ chức thuộc Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và công đoàn các cấp; Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam... |  |
| 2 | Báo cáo kiến nghị | Năm 2019 |
| 3 | Sách “Quyền tự do liên kết và thiết chế đại diện trong quan hệ lao động ở Việt Nam” | Năm 2019 |

3.3. Về những đóng góp mới về khoa học của đề tài:

- Làm rõ bản chất, vai trò và ý nghĩa của việc thực hiện quyền tự do liên kết và thiết chế đại diện trong quan hệ lao động trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng hơn và ký kết tham gia các Hiệp định tự do thương mại thế hệ mới (CPTPP, EVFTA).

- Phân tích các xu hướng gắn tiêu chuẩn lao động quốc tế cơ bản với quan hệ thương mại quốc tế, nội dung các cam kết về lao động công đoàn mà Việt Nam đã ký kết, cơ chế thực hiện và nghĩa vụ thực hiện của nước tham gia.

- Phân tích các nội dung thực hiện quyền tự do liên kết và thiết chế đại diện trong quan hệ lao động theo CPTPP; các tiêu chí đánh giá; các nhân tố ảnh hưởng về nhận thức, về thể chế chính sách, và về năng lực của các chủ thể trong quan hệ lao động.

- Làm rõ kinh nghiệm của các nước (11 nước tham gia CPTPP và Mỹ) và các mô hình thực hiện quyền tự do liên kết và thiết chế đại diện trong quan hệ lao động (mô hình tổ chức công đoàn mạnh thống nhất mang tính quốc gia; mô hình 3 cấp công đoàn nhưng sức mạnh tập trung ở cấp doanh nghiệp; mô hình công đoàn phân tán) và rút ra bài học cho Việt Nam về mặt luật pháp, về trách nhiệm của các bên liên quan, về quá trình chuyển đổi từ hệ thống đơn nhất sang đa công đoàn.

3.4 Về hiệu quả của nhiệm vụ:

*\* Hiệu quả kinh tế*

- Góp phần xây dựng quan hệ lao động bình ổn, tiến bộ và bền vững vốn được coi là mấu chốt của phát triển kinh tế xã hội hiện đại.

+ Đối với người lao động, việc triển khai các quyền này xét đến cùng cũng là để góp phần cho việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và chính đáng của họ trong bối cảnh mới.

+ Với chủ doanh nghiệp, một phương thức tổ chức và hoạt động mới của công đoàn trong doanh nghiệp cũng sẽ là một tác nhân giúp cho quan hệ xã hội trong doanh nghiệp tốt hơn để sản xuất, kinh doanh thêm hiệu quả.

Tổng hợp lại, quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong hội nhập cũng sẽ thêm một bước tiến tích cực để tăng trưởng với tốc độ cao hơn và bền vững hơn về xã hội.

*\* Hiệu quả xã hội*

Hàng chục triệu công đoàn viên, hàng trăm ngàn doanh nghiệp khi tiếp cận và thực hiện CPTPP sẽ không còn bỡ ngỡ về nhận thức, cách ứng xử với việc thực hiện các quyền tự do liên kết và thiết chế đại diện trong điều kiện mới.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và rộng hơn là hệ thống chính trị Việt Nam cũng sẽ được bổ sung những nhận thức khoa học và thực tiễn để hoàn thiện các thể chế pháp luật và tổ chức công đoàn khi triển khai CPTPP.

3.5. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Về tiến độ thực hiện: Hoàn thành đúng tiến độ

- Về kết quả thực hiện đề tài: Đạt.